

## CÁC CHỈ SỐ THEO DÕI & ĐÁNH GIÁ GIÁO DỤC

Hệ thống theo dõi và đánh giá (M&E) giáo dục trên thế giới hiện nay được vận hành trên cơ sở các khung tham chiếu khác nhau, có thể kể đến Khung tham chiếu của Rob Vos<sup>1</sup>, Khung tham chiếu của UNICEF<sup>2</sup>, Bộ chỉ số của OECD<sup>3</sup>. Xuất phát từ những khung tham chiếu này, trên thế giới có những bộ chỉ số giáo dục khác nhau, nhưng thường được nhóm thành các nhóm chỉ số sau đây: Chỉ số bối cảnh; chỉ số đầu vào; chỉ số hoạt động (quá trình); chỉ số kết quả đầu ra; chỉ số tác động (*xem thêm sơ đồ dưới đây*).

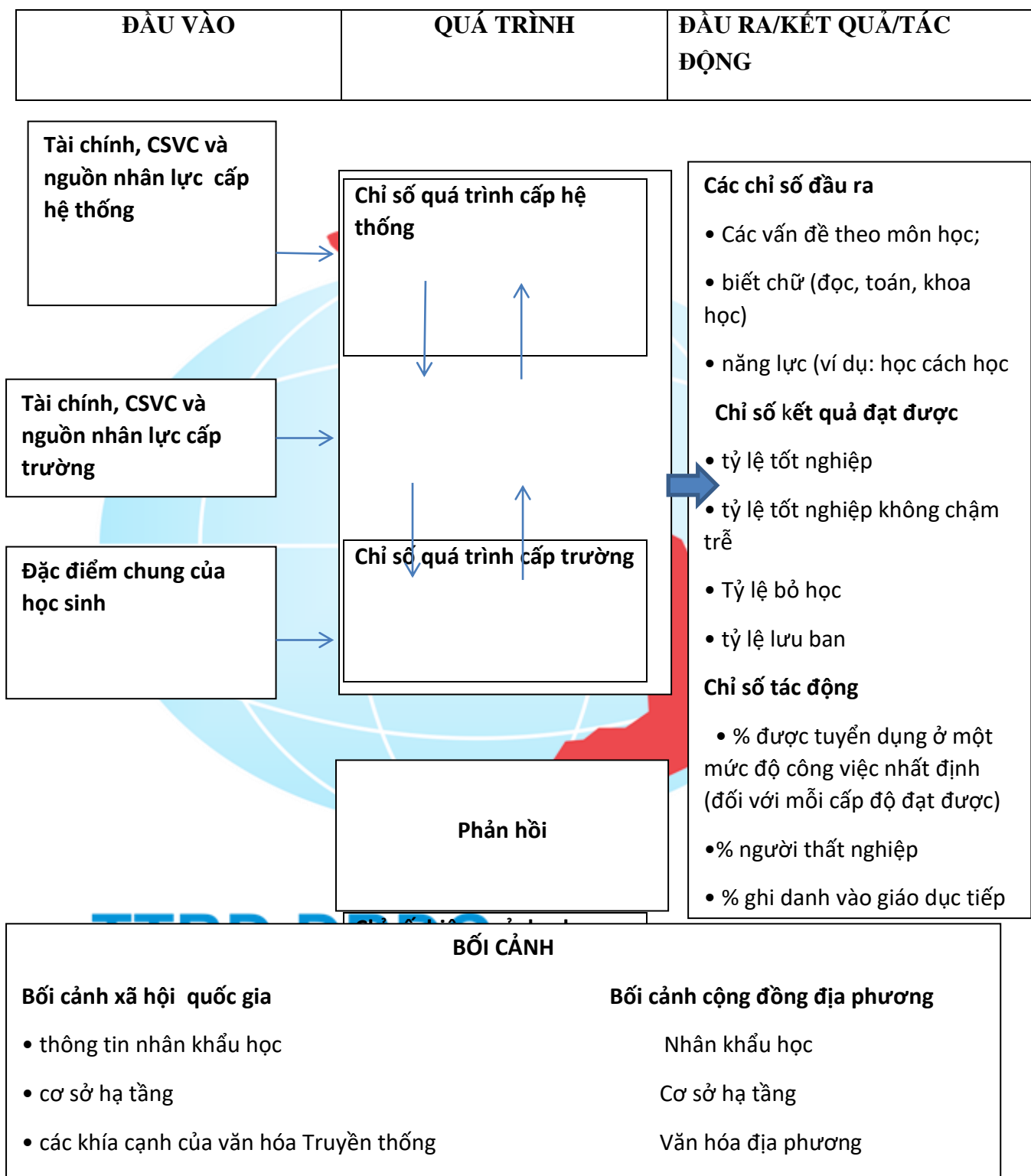


<sup>1</sup> Rob Vos, Educational indicators: What's to be measured? Working Paper Series I-1, Washington D.C., 1996.

<sup>2</sup> Jeanette Colby, Miske Witt et. al., *Defining quality in education [Định nghĩa chất lượng trong giáo dục]*, UNICEF, 2000.

<sup>3</sup> OECD, Education at a glance 2016: OECD indicators, 2016.

## Sơ đồ. Tổng hợp về các chỉ số đầu vào, quá trình, kết quả và bối cảnh giáo dục<sup>4</sup>



<sup>4</sup> Chapter 2: Measuring Educational Quality by Means of Indicators, trong sách của J. Scheerens et al. (eds.), Perspectives on Educational Quality, SpringerBriefs in Education, 2011.

## 1. Chỉ số bối cảnh

Các chỉ số đánh giá bối cảnh giáo dục gồm: Phát triển nhân khẩu học; Thị trường lao động, ví dụ, thiếu hụt và thặng dư trong một số lĩnh vực nhất định; Tình trạng chung của nền kinh tế; Các khía cạnh văn hóa có liên quan; Cơ sở thể chế; Tình hình sức khỏe chung ở một quốc gia; Thảm họa thiên nhiên và chiến tranh. Các chỉ số bối cảnh trong giáo dục thường đề cập đến các vấn đề như<sup>5</sup>:

### *a) Tình hình dân số, văn hóa và bối cảnh chính trị*

Các chỉ số về tình hình dân số, văn hóa, bối cảnh chính trị cung cấp thông tin về những nội dung như:

- Dân số tăng trưởng bao nhiêu và những thách thức liên quan đến việc phát triển trường học là gì?
- Quốc gia có đa dạng về ngôn ngữ và/hoặc các nền văn hóa lớn mà hệ thống giáo dục phải tính đến không?
- Các xu hướng gần đây và triển vọng tương lai của tăng trưởng kinh tế của quốc gia có thể cung cấp nhiều nguồn lực hơn cho sự phát triển của giáo dục không?
- Các nhóm gặp khó khăn cần hỗ trợ đặc biệt như thế nào để thúc đẩy sự tham gia của họ vào giáo dục?
- Các chính sách và kế hoạch giáo dục mới có căn cứ vào bối cảnh chính trị dân chủ và ổn định, ở mức độ nào?
- Tình hình tài chính của đất nước có cho phép tăng chi tiêu công cho giáo dục hay không; hay có những giới hạn về ngân sách?
- Những điểm yếu trong việc quản lý nguồn nhân lực, tài chính và các nguồn lực khác của ngành giáo dục?

### *b) Nghèo đói và hạnh phúc*

- Tình trạng sức khỏe và điều kiện sống trong nước được cải thiện như thế nào (hoặc trở nên khó khăn hơn) trong 10 năm qua?
- Có bao nhiêu người và tỷ lệ phần trăm dân số sống dưới mức nghèo khổ? Họ có coi mình là bị loại trừ khỏi đời sống xã hội và lợi ích?

---

<sup>5</sup> Chapter 2: Measuring Educational Quality by Means of Indicators, trong sách của J. Scheerens et al. (eds.), Perspectives on Educational Quality, SpringerBriefs in Education, 2011.

- Mức độ tham gia giáo dục có bị ảnh hưởng bởi đói nghèo không? Điều gì đã và những gì có thể là đóng góp của giáo dục để cải thiện tình hình?

### **c) Kinh tế, việc làm và chi tiêu công**

- Các điều kiện sống (kinh tế và xã hội) trong nước phát triển như thế nào trong 10–15 năm qua?

- Mối quan hệ giữa sự phát triển kinh tế và mức độ giáo dục đạt được? Sản xuất kinh tế tổng thể của đất nước như thế nào (ví dụ: Tổng sản phẩm quốc nội/đầu người), đã phát triển trong thập kỷ qua? Mô hình có ổn định không?

- Quốc gia phụ thuộc vào tài chính bên ngoài như thế nào? Tình hình tăng trưởng của GDP trong mười năm qua?

- Trong những lĩnh vực nào, sản xuất và/hoặc việc làm tăng lên trong những năm gần đây? Trong những lĩnh vực nào nền kinh tế của đất nước đã đạt được (hoặc bị mất) khả năng cạnh tranh quốc tế? Đóng góp tương đối của khu vực phi chính thức vào sản xuất và việc làm là gì?

- Xu hướng chính của nhu cầu nhân lực và cung ứng gần đây là gì? Trình độ học vấn và giáo dục chính quy nào đặc trưng cho dân số nói chung và lực lượng lao động nói riêng? Ý nghĩa của việc phát triển giáo dục trong tương lai là gì?

### **d) Năng lực quản lý**

Đánh giá năng lực quản lý yêu cầu xem xét các vấn đề như:

- Vai trò và năng lực tổ chức tương ứng của khu vực công và tư để cung cấp giáo dục, đào tạo;

- Mức độ phân cấp quản lý giáo dục;

- Các lĩnh vực và cấp hành chính nơi quản lý giáo dục yếu nhất;

- Các chương trình và thay đổi thể chế nhằm thúc đẩy năng lực quản lý của ngành giáo dục.

### **Bảng. Ví dụ về các chỉ số bối cảnh của hệ thống giáo dục quốc gia**

Chỉ số	Nội dung của chỉ số
Nhân khẩu học	Dân số; Tỷ lệ tăng dân số hàng năm; Tỷ lệ dân số nông thôn; tỷ lệ dân số dưới 15 tuổi.
Chính trị	Chi tiêu chính phủ cho giáo dục là một phần của tổng chi tiêu của chính phủ.

Địa lý	Khí hậu; nông nghiệp; Tỷ lệ diện tích đất canh tác; Tỷ lệ phần trăm khu vực có người ở.
Kinh tế	GDP bình quân đầu người; Tăng trưởng GDP; Tăng trưởng sản xuất theo ngành; Tăng trưởng đầu tư nước ngoài.
Tài chính công	Thu NS chính phủ; Chi tiêu chính phủ; nợ nước ngoài.
Lao động, việc làm	Số làm việc trong khu vực phi chính thức như tỷ lệ phần trăm của tổng số việc làm; Việc làm theo ngành và chi nhánh
Xã hội, nghèo đói	Chỉ số phát triển con người (HDI); Tỷ lệ phần trăm dân số dưới mức nghèo khổ (ví dụ: sống trên ít hơn 1 đô la Mỹ mỗi ngày); Tuổi thọ.
Năng lực quản lý ngành GD	Tỷ lệ tiết kiệm ngân sách; Tỷ lệ phần trăm của các dự án/chương trình thực hiện; Tàn suất khiếu nại về hành chính bất thường.

## 2. Chỉ số đầu vào

Các chỉ số đầu vào thường được sử dụng trong theo dõi, đánh giá giáo dục như nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất; nguồn nhân lực; Đặc điểm chung của học sinh<sup>6</sup>.

### a) Chỉ số tài chính, CSVC

Chỉ số tài chính, cơ sở vật chất trong giáo dục có thể là: Tỷ lệ tổng sản phẩm quốc nội chi cho giáo dục (%); Chi phí giáo dục cho mỗi sinh viên; Tỷ lệ đầu tư công và tư trong giáo dục; Đầu tư công vào nghiên cứu và phát triển giáo dục; Tổng chi phí cho các chương trình và cơ sở vật chất đặc biệt cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn; Nhà nước cung cấp các dịch vụ phụ trợ; Chi tiêu hộ gia đình và trợ cấp công cộng cho cha mẹ; Tỷ lệ chi tiêu tiền lương cho cán bộ hành

<sup>6</sup> Chapter 2: Measuring Educational Quality by Means of Indicators, trong sách của J. Scheerens et al. (eds.), Perspectives on Educational Quality, SpringerBriefs in Education, 2011.

chính; Tỷ lệ chi tiêu cho lương hưu cho nhân viên giáo dục; Tỷ lệ chi tiêu tiền lương cho giáo viên; Tài nguyên vật chất và tài nguyên ở cấp trường; Tỷ lệ ngân sách của trường được mua thông qua tài trợ công cộng; Cơ sở vật chất xây dựng trường học; Thiết bị lớp học (đồ đạc, máy tính, v.v...); Đồ dùng học tập như bút chì và giấy, bảng phấn, bảng lật; Tình trạng sẵn có của sách giáo khoa về các môn học chính; Các dịch vụ cơ bản như nhà vệ sinh riêng biệt dành cho HS nữ và nam, nước sạch, điện, điện thoại; cung cấp các dịch vụ phụ trợ, liên quan đến dinh dưỡng, sức khỏe và vận chuyển.

### ***b) Các chỉ số nguồn nhân lực (giáo viên, nhân viên)***

Các chỉ số nguồn nhân lực có thể là: Phân bố tuổi, giới tính và dân tộc; Bằng cấp, chứng nhận nghề; Trình độ đào tạo; Năm kinh nghiệm; Ngôn ngữ; Y tế, sức khỏe; Quá trình đào tạo.

*Về kiến thức chuyên môn và kỹ năng GV:* Kiến thức chung; Kiến thức chuyên ngành; Kiến thức về sư phạm và giáo khoa; Kiến thức về học sinh; Niềm tin và thái độ về giảng dạy; Tính linh hoạt trong điều chỉnh giảng dạy.

*Về điều kiện làm việc của giáo viên:* Mức lương; Thời gian làm việc; Kích thước lớp học trung bình (HS/lớp); Ưu đãi dựa trên khen thưởng; Chính sách ưu đãi khác.

*Về cơ cấu nghề nghiệp:* Yêu cầu chứng nhận/đào tạo giáo viên; Tự chủ giáo viên; Đánh giá giáo viên dựa trên tiêu chuẩn; Điều kiện làm việc phụ (ví dụ: các kỳ nghỉ); Thanh tra, kiểm tra chuyên môn; Tinh thần và trạng thái của giáo viên; Ý kiến về sự nghiệp và di chuyển công việc.

*Về tinh thần giáo viên:* Nhận thức về sự cần thiết của xã hội; Đánh giá điều kiện làm việc chung; Đánh giá tình hình công việc tại trường; Di chuyển công việc; Ý thức chính trị.

### ***c) Đặc điểm chung của học sinh***

Chỉ số về đặc điểm chung của học sinh thường có thông tin về: Thông minh chung hoặc năng khiếu; Tình trạng kinh tế xã hội; Trình độ học vấn của mẹ; Giới tính; Dân tộc; Sự khác biệt giữa ngôn ngữ được nói ở nhà và ngôn ngữ ở trường; Khoảng cách học sinh phải đi bộ đến trường; Số tiền ngoài giờ học mà một học sinh phải lao động; học sinh ăn bán trú ở trường; Nơi học tại nhà; Số lượng sách trong nhà; Suy dinh dưỡng; Bệnh tật.

Có một số câu hỏi cụ thể như:

- Có bao nhiêu trẻ em và, có thể, người lớn là "khách hàng" tiềm năng cho các cấp học khác nhau và giáo dục ngoài trường học?

- Mức độ giáo dục tối thiểu theo yêu cầu của xã hội đối với mỗi thành viên là gì?

- Ai thực sự muốn nhận được loại giáo dục nào?

- Trong trường hợp các nguồn lực sẵn có không cho phép trả lời tất cả các tín hiệu, mà nên có quyền truy cập vào các cấp học khác nhau và giáo dục ngoài trường học?

- Các quan ngại về chính sách giáo dục, những người không có quyền tiếp cận giáo dục, và tại sao?

- Có phải do nhu cầu giáo dục trung học ở một số nhóm dân cư nhất định hoặc thiếu cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng trường học không?

### 3. Chỉ số quá trình

Chỉ số quá trình giáo dục có thể gồm những nội dung như:

- Thời gian giảng dạy cho mỗi môn học.

- Tổng số giờ giảng dạy mỗi năm, cho các cấp lớp cụ thể trong giáo dục tiểu học và trung học.

- Cơ hội để tìm hiểu, theo xếp hạng chuyên gia về chương trình giảng dạy kiểm tra trùng lặp.

- Vị trí của việc ra quyết định trong giáo dục, theo trình độ học vấn (Chỉ báo này cho thấy các quyết định cấp hành chính trong các lĩnh vực giáo dục - giáo trình, quản lý nhân sự — hướng dẫn, tài nguyên — được thực hiện với mức tự chủ nhất định).

- Quyền tự chủ của trường (chỉ số này thực sự được bao gồm trong khái niệm về vị trí của việc ra quyết định).

- Tiêu chuẩn giáo dục theo cấp độ (ví dụ: các mục tiêu như tỷ lệ hoàn thành tăng, tỷ lệ học sinh đạt được hoặc cao hơn mức thành tích cụ thể).

- Có hoặc không thi chính thức được thực hiện ở cuối mỗi loại trường. Mức độ phân loại và phát trực tuyến chính thức ở cấp trung học.

- Khả năng đánh giá của hệ thống (được định nghĩa là định lượng sự xuất hiện và cường độ của các hình thức đánh giá khác nhau, chẳng hạn như các chương trình đánh giá quốc gia, kiểm tra, kiểm tra trường học, hệ thống thông tin quản lý giáo dục, v.v...).

- Tầm quan trọng và đa dạng hóa cơ cấu hỗ trợ giáo dục trong nước (có thể bao gồm một đơn vị phát triển chương trình giảng dạy.

- Dịch vụ CNTT, tư vấn trường học, một đơn vị đánh giá và kiểm tra giáo dục, v.v...).

- Sự phân chia các trường tư thục, chính phủ và các trường công lập Các chính sách khuyến khích dựa trên kích thích thành tích học đường Mức độ lựa chọn trường học là miễn phí.

Trong các chỉ số nói trên, cần quan tâm phân tích theo tiêu chí công bằng, bình đẳng. Sự khác biệt về giáo dục thường tồn tại giữa trẻ em gái và trẻ em trai, giữa trẻ em sống ở các vùng địa lý khác nhau và đến từ các nhóm kinh tế xã hội hoặc văn hóa đa dạng... Sự bất bình đẳng giữa trẻ em có khi phải do hạn chế trong tiếp cận giáo dục, mà có thể do trong quá trình giáo dục (ví dụ như lưu ban, bỏ học sớm thường xuyên hơn ở trẻ em gái và học sinh ở nông thôn), và liên quan đến chất lượng giáo dục được cung cấp<sup>7</sup>. Sau đây là những câu hỏi quan trọng cần giải đáp:

- Ở mức độ nào có sự chênh lệch đáng kể đối với việc tiếp cận và đạt được trình độ học vấn của các nhóm khác nhau ở các cấp độ và tiểu ngành giáo dục khác nhau?

- Những chênh lệch này có thể được giải thích bằng chất lượng không đồng đều của nguồn cung cấp giáo dục (về giáo viên, mạng lưới hỗ trợ sư phạm, sách giáo khoa, nhà trường v.v...)?

- Có phải các vấn đề quan sát về tiếp cận, tiến bộ và đạt được các nhóm nhất định do các yếu tố văn hóa và/hoặc kinh tế xã hội không?

- Làm thế nào những vấn đề này có thể được giải quyết? Những tác động của các chiến lược ưu đãi trước đây đối với các nhóm bị thiệt thòi xã hội là gì? V.v...

#### 4. Chỉ số đầu ra/kết quả/tác động

Chỉ số đầu ra có thể cho thấy thông tin về tiếp cận giáo dục như: Tỷ lệ nhập học vào lớp 1; Tỷ lệ nhập học theo độ tuổi; Tỷ lệ nhập học tổng và ròng; Tỷ lệ nhập học theo độ tuổi; và Tỷ lệ chuyển đổi từ một chu kỳ / cấp độ này

<sup>7</sup> Chapter 2: Measuring Educational Quality by Means of Indicators, trong sách của J. Scheerens et al. (eds.), Perspectives on Educational Quality, SpringerBriefs in Education, 2011.

sang cấp độ khác. Số lượng và tỷ lệ phần trăm trẻ em ngoài độ tuổi đi học; Số lượng và tỷ lệ người mù chữ người lớn (lưu ý rằng định nghĩa về mù chữ và độ tuổi của nhóm tuổi có liên quan có thể thay đổi đôi chút từ nước này sang nước khác).

Các chỉ số kết quả đầu ra thường được sử dụng bao gồm: Tỷ lệ vượt qua các kỳ thi quốc gia; Điểm trung bình của học sinh trong các môn học khác nhau tại kỳ thi quốc gia; Điểm thành tích do các bài kiểm tra đánh giá tiêu chuẩn được thực hiện cho các mục đích đánh giá hoàn toàn; Kết quả học tập theo môn học; Tỷ lệ HS đạt chuẩn (đọc, toán, khoa học); Năng lực (ví dụ: học cách học; Tỷ lệ chuyển cấp này sang khác; Tỷ lệ lên lớp; tỷ lệ lưu ban; tỷ lệ bỏ học.

Chỉ số tác động thường bao gồm thông tin về: tỷ lệ được tuyển dụng ở một mức độ công việc nhất định (đối với mỗi cấp độ đạt được); tỷ lệ người thất nghiệp; tỷ lệ ghi danh vào giáo dục tiếp theo (đối với các trường cấp thấp hơn); Mức độ tham gia xã hội (vốn xã hội); Tỷ lệ biết đọc biết chữ của người lớn; Thu nhập trung bình, cho mỗi cấp độ đạt được.

Ví dụ các câu hỏi về tác động của giáo dục: Các học sinh ra trường tìm được việc làm ở mức độ nào trong: (i) khu vực chính thức; và trong khu vực phi chính thức? (ii) Các kỹ năng và năng lực có được phù hợp với những kỹ năng mà các nhà tuyển dụng yêu cầu trong các lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế không? (iii) Kiến thức và kỹ năng có được ở trường học hữu ích như thế nào để cải thiện hành vi/thói quen của học sinh liên quan đến bảo vệ sức khỏe, dinh dưỡng và các “kỹ năng sống” khác?

**TTBD ĐBDC**

